TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N, TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 04 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui
2. Ông Đào Văn Rạng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Công Trình - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Vũ Đức N - Sinh ngày 27 tháng 01 năm 1989, tại N Định.

Nơi cư trú: Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh N; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Thiên chúa; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: N; con ông Vũ Văn Ph sinh năm 1958, đã chết năm 2017 và bà Bùi Thị M sinh năm 1964, hiện làm ruộng tại Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh N; có vợ là Đỗ Thị X sinh năm 1986, hiện làm ruộng tại Đội 2, xã N, huyện N, tỉnh N; có 01 con sinh năm 2014.

Tiền sự, tiền án: Không

Vũ Đức Nbị bắt, tạm giữ từ ngày 11/01/2019 đến ngày 17/01/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cứ trú cho đến nay.

+Người bị hại: Ông Lê Tiến Ch - Sinh năm 1967

Địa chỉ: Đội 7, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn H - Sinh năm 1981

Địa chỉ: Đội 1, xã N, huyện N, tỉnh N

Tại phiên toà có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ ngày 11/01/2019, Vũ Đức Nđi bộ từ cầu Luồng, thị trấn Q, huyện N đến cầu Chợ, xã N, huyện N. Khi đến cầu Chợ xã N, N nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại C70, biển số 18-244T2, màu xanh, đã qua sử dụng của ông Lê Tiến Ch để ở phía Tây nhà ông Chung ở đội 7 xã N, không có người trông coi, N nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Vũ Đức N đi đến gạt chân chống lên rồi dắt xe mô tô nhãn hiệu Honda loại C70 biển số 18-244T2, màu xanh đi theo đường liên xã T-T, đi về phía xã N, đi được một đoạn khoảng 50 mét, N dùng 01 chìa khóa bằng kim loại, màu trắng, mặt trên có in chữ VIỆT-TIỆP (là chìa khóa cửa của gia đình N) vặn mở ổ khóa điện của xe mô tô đã trộm cắp nhưng không mở được. Vũ Đức N dắt xe mô tô quay lại ra đường Quốc lộ 21B đi về hướng xã N, tìm Cửa hàng sửa chữa xe máy để mở ổ khóa điện. Khi Vũ Đức N dắt xe mô tô đi đến cây xăng N thuộc đội 8, xã N thì bị ông Lê Tiến Ch và quần chúng nhân dân phát hiện bắt quả tang. Ông Lê Tiến Ch đã đưa Vũ Đức N cùng vật chứng về trụ sở Ủy ban nhân dân xã N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Thu giữ của Vũ Đức N, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại C70, biển số 18-244T2, màu xanh, đã qua sử dụng là tài sản N trộm cắp của ông Lê Tiến Ch; 02 chìa khóa bằng kim loại, màu trắng, mặt trên có in chữ VIỆT-TIỆP. Công an xã N đã báo cáo và chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N để điều tra, xử lý. Tại bản kết luận số: 01/HĐ-ĐGTS ngày 15/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: Giá trị 01 mô tô nhãn hiệu Honda, loại C70, biển số 18-244T2, màu xanh, đã qua sử dụng có giá là 5.700.000 đồng. Tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N Vũ Đức N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 04/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: xử phạt Vũ Đức Ntừ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để buộc bị

cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nói lời sau cùng đã thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người bị hại, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định khoảng 18 giờ, ngày 11/01/2019, tại khu vực phía Tây nhà ông Lê Tiến Ch ở đội 7 xã N, Vũ Đức N đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda loại C70 biển số 18-244T2, màu xanh, đã qua sử dụng của ông Lê Tiến Ch có giá trị 5.700.000 đồng và bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác. Đối chiếu với quy định của pháp luật thấy đủ cơ sở kết luận bị cáo Vũ Đức N đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người bị hại là ông Lê Tiến Ch có đơn xin giảm

nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo mà để bị cáo cải tạo tại địa phương cũng có thể cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 mô tô nhãn hiệu Honda, loại C70, biển số 18-244T2, màu xanh, đã qua sử dụng mà Vũ Đức N trộm cắp của ông Lê Tiến Ch ngày 11/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho ông Lê Tiến Ch là chủ sở hữu là phù hợp.

Đối với 02 chìa khóa bằng kim loại, màu trắng, mặt trên có in chữ VIỆT-TIỆP thu giữ của Vũ Đức N, trong đó có 01 chìa khóa N sử dụng để mở ổ khóa điện xe mô tô đã trộm cắp của ông Lê Tiến Ch, qua điều tra xác định là của bà Bùi Thị M là mẹ đẻ của N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho bà Mỳ là chủ sở hữu là phù hợp.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Đức N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Vũ Đức N 08 (tám) tù nhưng cho nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án, ngày 04 tháng 4 năm 2019 (bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/01/2019 đến ngày 17/01/2019).

Giao bị cáo Vũ Đức Ncho Uỷ ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh N Định nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa

vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Vũ Đức N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an + Trại giam;
- Thi hành án phạt tù;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ + Án văn.